

TIẾNG TRUNG		PHIÊN ÂM		NGHĨA
愿望		Shíxiàn		Làm, thực hiện
终于		Liànlìanbùshě		Nhưng, và
实现		Mǎn		Do đó, vì thế, bởi vậy
联系		Jīnhòu		Vậy
瞒		Shíhuà		Từ nay về sau, sau này
独生女		Fàngxīn		Đúng là, quả nhiên
多半		Yuànwàng		Cổ kính, cổ xưa
因此		Gǔlǎo		Nhớ, nghĩ đến
果然		Sāi		Không nỡ rời xa, quyến luyến
实话		Duōbàn		Liên lạc, bắt mối
对于		Lín		Rốt cục, cuối cùng
古老		Guǒrán		Ý muốn, sự mong muốn
而		Zhōngyú		Con gái một
鸟		Ér		Sắp, sắp sửa
独立		Dúshēngnǚ		Phần nhiều, có lẽ
自在		Xiǎngfǎ		Chia tay, rời bỏ
考虑		Wàng		Dặn dò, căn dặn
今后		Dúlì		Nhét, đứt, bứt, nút
事情		Gǎibian		Nói thật, lời nói thật
改变		Kǎolǚ		Chim
想法		Liánxi		Liều, bất chấp, bạt mạng
临		Duìyú		Độc lập, tự lập
拼命		Shìqīng		Về, đối với
塞		Niǎo		Ngóng, mong đợi
离别		Zìzài		Thay đổi, đổi khác
望		Yīncǐ		Việc, sự việc
挥		Líbié		Giấu, che đậy, giấu giếm
眼泪		Yǎnlèi		Thông dong, nhơn nhơ
恋恋不舍		Pīnmíng		Diễn đạt, trình bày
嘱咐		Zhǔfu		An tâm, yên lòng

放心		Huī		Cân nhắc, xem xét, tính toán
表达		Xiǎngniàn		Nước mắt
想念		Biǎodá		Cách nhìn, quan điểm